TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST.
Ngày: 25 – 7 – 2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Trường
2. Ông Nguyễn Văn Tho
- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TL.ST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1979; ĐKTT: Số 21/5B Đinh Tiên H, thị trấn Phan Rí C, huyện Tuy Ph, tỉnh Bình Th. (Có mặt)

Chỗ ở hiện nay: Số 64/40/5 Nguyễn Kh, phường 2, quận 4, thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Phước C, sinh năm: 1986; Địa chỉ cư trú: B18, QL1A, KDC Trung tâm văn hóa Tây Đ, phường Hưng Th, quận Cái R, thành phố Cần Th. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy Tr, sinh năm: 1997; Địa chỉ cư trú: B18, QL1A, KDC Trung tâm văn hóa Tây Đ, phường Hưng Th, quận Cái R, thành phố Cần Th. (Có mặt)

(Giấy ủy quyền ngày 05/6/2023)

2. Bị đơn: Ông Trương Văn Th, sinh năm: 1974; ĐKTT: ấp Kinh 5, xã An Minh B, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G. (Vắng mặt)

Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư Đông Ph, xã Đông Ph, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Th: Ông Võ Minh Th, sinh năm: 1993; Địa chỉ: ấp 5, xã Hoà A, huyện Phụng H, tỉnh Hậu G. (Có mặt)

(Hợp đồng ủy quyền ngày 28/4/2023)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Minh A (con ông Th); Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư Đông Ph, xã Đông Ph, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G. (Xin vắng mặt)

4. Người làm chứng:

Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1982; Địa chỉ cư trú: A28 T82, Nguyễn Văn C, phường An H, quận Ninh K, thành phố Cần Th. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H, ông Huỳnh Phước C trình bày: Vào ngày 04/11/2021 tại xã Đông Ph, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G. Sau khi trao đổi với ông Th, qua sự quen biết ông Nguyễn Văn B (quê quán Vĩnh L, không rõ địa chỉ cụ thể, ông B nay đã chết) có làm ăn chung với bà ở thành phố Hồ Chí M. Nhận thấy ông Th có công việc ổn định và thu nhập tốt nên bà đồng ý cho ông Th vay tiền nhiều lần tổng số tiền là 570.000.000đồng, các lần chuyển tiền đều chuyển qua tài khoản của con trai ông Th là Trương Minh A, hai bên có làm Giấy mượn nợ viết tay; Giấy cam kết; Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ, tất cả các văn bản này ông Th đều có ký xác nhận. Bà và ông Th không có hợp tác làm ăn với nhau. Ông Th dẫn bà đến xưởng sản xuất mục đích là để cho bà biết và thấy cơ sở làm ăn của ông Thái, để tin tưởng nhau. Việc ông Th cam kết cho bà 500đồng/ký cá Tra là để thay cho tiền lãi suất mà ông Th phải trả cho bà H. Trên thực tế hai bên không có hợp đồng hợp tác làm ăn chung.

Ông Th cam kết sau khi xuất hàng vào ngày 15/11/2021 sẽ thanh toán cho bà tiền gốc 570.000.000đồng nhưng đến nay không thực hiện. Nay yêu cầu ông Th phải trả cho bà tổng số tiền gốc và lãi là 715.920.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 570.000.000đồng, lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 15/11/2021 đến 15/3/2023 là 145.920.000 đồng và tiếp tục tính lãi suất đến ngày xét xử.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H, bà Trần Thị Thùy Tr trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông Cường, bổ sung ý kiến đại diện bị đơn cho rằng cá Tra 29.000đồng/ký là không đúng mà giá đúng là 24.000đồng/ký.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Thái, ông Võ Minh Th trình bày: Ngày 04/11/2021, ông Th và bà có thỏa thuận hợp tác miệng với nhau để thu mua cá Tra xuất khẩu và ông Th với bà có thỏa thuận số tiền 570.000.000đồng sẽ đặt tiền cọc mua 100 tấn cá nguyên liệu. Nếu ông Th đặt cọc 570.000.000đồng mua 100 tấn cá bà sẽ chuyển tiếp tiền cho đủ 2,9tỷ đồng để mua 100 tấn cá, nếu không bà sẽ chấp nhận mất số tiền cọc 570.000.000đồng. Nguyên liệu với giá là 29.000đồng/ký, giữa ông Th và bà có thỏa thuận lợi nhuận 500đồng/ký cá Tra nguyên liệu (không tính thuế), thỏa thuận miệng với nhau, ông Th là người trực tiếp thu mua, tiền thì do bà bỏ ra, ông Th là người đi thuê xưởng để sản xuất và thuê nhân công, còn Nguyễn Văn B (đã chết) là người xuất hàng, bà có nghĩa vụ bỏ ra số tiền 2,9 tỷ để mua 100 tấn cá Tra nguyên liệu. Tổng cộng ông Th có nhận nhiều lần tiền do bà chuyển khoản qua tài khoản của con trai là Trương Minh A, tổng số tiền ông Th đã nhận là 570.000.000đồng để đặt cọc tiền mua cá của ông Phạm Văn Đ (Vinh), đặt cọc ngày 17/11/2021, hẹn 07 ngày sẽ xuống bắt cá lần đầu với số lượng 40 tấn cá là vào ngày 24/11/2021. Đến ngày hẹn xuống bắt cá thì bà không tiếp tục chuyển đủ số tiền trên nên vi phạm hợp đồng đặt cọc với ông Đ nên mất số tiền đã đặt cọc. Ông Trương Văn Th có ký và

có ghi họ tên vào các giấy tờ: Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ lập ngày 11/12/2021 tại Công ty Chất lượng vàng; Giấy mượn nợ giữa bà Nguyễn Thị B và ông Trương Văn Th; Giấy cam kết; Cả 03 giấy tờ trên đều đúng là chữ ký của ông Trương Văn Th.

Nay đối với yêu cầu của nguyên đơn, ông Th không đồng ý trả số tiền 570.000.000đồng là do bà không thực hiện đúng cam kết như thỏa thuận bA đầu, không chuyển xuống đủ số tiền 2,9 tỷ để lấy cá nên mới vi phạm hợp đồng dẫn đến việc mất số tiền đặt cọc 570.000.000đồng đã đặt cọc cho bên ông Đ (Vinh) hộ nuôi cá.

*** Tại phiên tòa:**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông C trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả tiền vay gốc 570.000.000đồng và tiền lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 16/11/2021 đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi suất đến ngày xét xử.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Ttrình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả tiền vay gốc 570.000.000đồng và tiền lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 16/11/2021 đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi suất đến ngày xét xử.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Thành vẫn giữ nguyên lời trình bày, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định. Về sự vắng mặt của đương sự: ông Trương Minh A và ông Phạm Văn Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt, lời khai đã rõ trong hồ sơ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt ông A và ông Đại.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H. Buộc ông Trương Văn Th có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/7/2023 tổng số tiền là: 627.568.000đồng, trong đó: tiền vốn là 570.000.000đồng, tiền lãi suất là: 57.568.000đồng. Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Văn Th trả số tiền 570.000.000đồng, phía bị đơn ông Th không đồng ý, các bên đương sự không thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp

đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Châu Th, tỉnh Hậu G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Th theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Minh A và người làm chứng Phạm Văn Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt ông A và ông Đ.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào tháng 11/2021, bà Nguyễn Thị B có chuyển khoản cho bị đơn ông Trương Văn Th vay tiền nhiều lần, các bên đều thống nhất tổng số tiền bà chuyển nhiều lần là 570.000.000đồng, việc chuyển giao tiền thông qua số tài khoản của ông Trương Minh A là con trai ông Th nhận thay và có giao lại cho ông Thái, ông A thừa nhận có chuyển số tiền trên cho ông Th và ông Th cũng thừa nhận có nhận đủ số tiền 570.000.000đồng như lời trình bày của bà là đúng.

Xét về mục đích chuyển tiền: Theo nguyên đơn bà xác định việc chuyển tiền là cho ông Th vay tiền làm ăn, mua bán cá và có thỏa thuận cho bà tiền hoa hồng. Theo bị đơn ông Th xác định, giữa ông và bà trên thực tế có thỏa thuận miệng hợp tác làm ăn, theo đó bà có nghĩa vụ chuyển tiền, còn ông có nghĩa vụ tìm nguồn thu mua cá, điều hành hoạt động nhà xưởng.

Quá trình tiến hành tố tụng, phía ông Th không chứng minh được giữa ông và bà là quan hệ hợp tác làm ăn như ông trình bày, bà không thừa nhận có hợp tác làm ăn với ông Thái, giữa các bên không có văn bản thỏa thuận hợp tác làm ăn, hộ bán cá ông Phạm Văn Đ cũng không biết bà Hằng, hợp đồng thuê xưởng do bị đơn cung cấp cũng không có tên bà H, các chứng cứ khác cũng không thể hiện được việc bà có hợp tác làm ăn với ông Th… hơn nữa bị đơn xác định là hợp đồng hợp tác, bị mất cọc thì các bên cùng phải chịu thiệt hại (tức là chưa có lợi nhuận) nhưng quá trình tố tụng tại Tòa án lại thừa nhận ông Th có chuyển 35.000.000đồng tiền hoa hồng cho bà là có mâu thuẫn. Mặt khác, bị đơn thừa nhận có ký tên vào các Giấy cam kết, Tờ mượn tiền, Biên nhận nhận nợ và cam kết trả nợ lập ngày 11/12/2021, trong đó đều thể hiện nội dung ông Th thừa nhận nợ và thỏa thuận trả nợ cụ thể vào các ngày: 17/12/2021 trả 70.000.000đồng; Ngày 04/01/2022 trả 75.000.000đồng; Ngày 25/01/2022 đến ngày 29/01/2022 trả 75 triệu đồng tiền lãi; Ngày 04/3/2022 trả tiếp 500 triệu đồng và 37.500.000đồng tiền lãi suất. Từ đó, đủ căn cứ xác định giao dịch giữa các bên là giao dịch vay và cho vay tiền. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự thì hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản và phải trả lãi nếu có thỏa thuận. Xét thấy, bị đơn ông Th có vay tiền của bà tổng số tiền 570.000.000đồng nên buộc ông Th phải có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 570.000.000đồng cho nguyên đơn bà là đúng quy định.

[4] Về lãi suất: Căn cứ khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, thì đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản và tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất và có

tranh chấp về lãi thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn. Như vậy, giao dịch vay và cho vay tiền giữa bà H, ông Th là hợp đồng vay không kỳ hạn và các bên xác định là có hoa hồng tức là có lãi, nhưng không xác định được lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Căn cứ quy định trên, Hội đồng xét xử xác định lãi suất bằng 50% là đúng quy định. Buộc bị đơn ông Th phải trả tiền lãi suất cho bà tính từ ngày 16/11/2021 đến ngày xét xử 25/7/2023 là:

(570.000.000đồng x 0,8%/tháng x 20 tháng 09 ngày) = 92.568.000đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo quyền của nguyên đơn đồng ý trừ đi số tiền hoa hồng 35.000.000đồng mà bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn. Như vậy, số tiền lãi bị đơn ông Th còn phải trả cho bà là: 92.568.000đồng – 35.000.000đồng = 57.568.000đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi, buộc bị đơn ông Trương Văn Th có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích là: 570.000.000đồng + 57.568.000đồng = 627.568.000đồng, trong đó: tiền vốn là 570.000.000đồng, tiền lãi suất là: 57.568.000đồng.

[5] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.1] Buộc bị đơn ông Trương Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận là: 627.568.000đồng.

20.000.000đồng + 4%(227.568.000đồng) = 29.102.720đồng.

[5.2] Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là: 88.352.000đồng.

88.352.000đồng x 5% = 4.417.600đồng.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử : Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H.

3. Buộc ông Trương Văn Th có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/7/2023 tổng số tiền là: 627.568.000đồng, trong đó: tiền vốn là 570.000.000đồng, tiền lãi suất là: 57.568.000đồng.

4. Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị yêu cầu thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí:

5.1. Bị đơn ông Trương Văn Th phải chịu 29.102.720đồng.

5.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bh phải chịu 4.417.600đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.318.400đồng theo biên lai thu số 0010998 ngày 31/3/2023 tại Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Bà được nhận lại số tiền 11.900.800đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án 25/7/2023; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án phần liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS H.Châu Thành;
- VKSND H.Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hường